TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THUỶ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2024 .
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết**.**

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiếp và bà Triệu Thị Tình

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thuỷ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST - HNGĐ ngày 15/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H năm 1994.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Xuân T năm 1990

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2023 và bản tự khai nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 trình bày: Chị và anh T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (Quê của chị) vào ngày 20/6/2013. Trong quá trình chung sống đến tháng 01 năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để

cùng thay đổi nhưng mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, đã ly thân từ tháng 01/2023 đến nay, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trịnh Minh T2, sinh ngày 20/5/2015. Hiện nay con đang ở với chị, nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trịnh Thị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Xuân T3: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho anh, nhưng anh vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh đối với người thân của anh Trịnh Xuân T3 là bà Lê Thị T4 (Mẹ đẻ của anh T3). Bà T4 cho biết: Chị H1 và T3 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, tổ chức lễ cưới năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm việc trong miền nam, tết mới về nhà. Quá trình đi làm ở miền nam vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì gia đình không biết. Còn khi về nhà thấy vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến tết năm 2023, chỉ có việc nhỏ chị H1 đưa tiền cho anh T3 với thái độ không tốt nên vợ chồng xử ra mâu thuẫn. Từ đó chị H1 không hay về nhà nữa. Chị H1 làm đơn cũng nói với gia đình, việc ly hôn do vợ chồng tự quyết định. Anh T3 đi làm việc nhưng thường xuyên về nhà và liên lạc với gia đình. Nay chị H1 làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà T4 đã nhận giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác. Bà T4 cam kết giao lại cho anh T3. Anh T3 đã trao đổi lại anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trịnh Thị H1 ly hôn anh Trịnh Xuân T3.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trịnh Minh T2, sinh ngày 20/5/2015. Giao cháu T2 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị H1 không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Trịnh Xuân T3 trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Trịnh Thị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trịnh Xuân T3 hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh với chính quyền địa phương, anh T3 có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Anh đang đi làm ăn nhưng không có địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng anh vẫn về quê, anh T3 đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn T, xã C, huyện C, Thanh Hóa.

Anh T3 đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được đã tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy tiến hành xét xử vắng mặt anh T3. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh T3 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn

nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị H1 và anh T3 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn không thể giải quyết được, đã ly thân, chị xin được ly hôn anh T3. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị H1 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trịnh Minh T2, sinh ngày 20/5/2015. Giao cháu T2 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 96, khoản 4 điều 147, khoản 5 điều 177, khoản 1 điều 227, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Trịnh Thị H1 được ly hôn anh Trịnh Xuân T3.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trịnh Minh T2, sinh ngày 20/5/2015. Giao cháu T2 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Anh T3 có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23/0000903, ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị H1 đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ.
- TAND tỉnh Thanh Hoá.
- Chi cục THADS huyện C.
- UBND xã Đ, H. Y.
- UBND xã C, H. C.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thuỷ.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ.
- UBND xã Cẩm Ngọc.
- UBND xã Triệu Thành.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết